

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)



3. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ – ĐỘNG LỰC

a) Các chuyên ngành (Specialization):

- 3.1. Chế tạo Máy (Manufacturing Engineering)
- 3.2. Kỹ thuật Cơ khí (Mechanical Engineering)
- 3.3. Cơ khí Quốc phòng (Mechanical Engineering in National Defense)
- 3.4. Cơ khí Giao thông (Mechanical Engineering and Transportation)
- 3.5. Cơ khí Nông – Lâm nghiệp (Agroforestry Mechanical Engineering)
- 3.6. Cơ khí Xây dựng (Mechanical Engineering in Construction)
- 3.7. Cơ khí Thủy sản (Aquatic Mechanical Engineering)
- 3.8. Cơ khí Địa chất (Geological Mechanical Engineering)
- 3.9. Cơ khí Hóa (Chemical Mechanical Engineering)
- 3.10. Cơ khí bảo quản chế biến Nông Lâm Thủy sản (Mechanical Engineering in Storage and Processing of Agro – Forestry – Aquatic Products)
- 3.11. Động cơ Đốt trong (Internal Combustion Engine)
- 3.12. Ô tô – Máy kéo (Automobile and Tractor)
- 3.13. Máy Thủy khí (Aero – Hydraulic Machinery)
- 3.14. Công nghệ Nhiệt lạnh (Heat and Refrigeration Engineering)
- 3.15. Máy Năng lượng (Energy Machinery)
- 3.16. Công nghệ Dệt (Textile Technology)
- 3.17. Công nghệ Cắt May (Fashion Design Technology)
- 3.18. Cơ – Điện tử (Mechatronics)
- 3.19. Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (Industrial Systems Engineering)

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế (thuộc CSDL Web of Science, Scopus)		Tạp chí	WoS (IF $\geq 2,5/Q1$, $H_{index} \geq 50$) WoS ($1 \leq IF < 2,5/Q1$, $H_{index} < 50$, Q2) WoS, Scopus (IF < 1), Q3, Q4	0 – 3,0 0 – 2,0 0 – 1,5
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác có mã số ISSN		Tạp chí	Do HDGS liên ngành quyết định từng trường hợp cụ thể	0 – 1,0 Online 0-0,75 Không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế viết bằng tiếng Anh,		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings) có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu có phản biện khoa học (từ năm 2017, phải có chỉ số ISBN)	0 – 0,5

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

5.	Cơ khí Việt Nam	2615-9910 (0866-7056)	Tạp chí	Hội Cơ khí Việt Nam	0 – 0,5
6.	Công nghiệp	0868-3778	Tạp chí	Bộ Công thương	0-0,25 trước 2013
7.	Công nghiệp Nông thôn	1859-4026	Tạp chí	Hội Cơ khí Nông nghiệp Việt Nam	0 – 0,5 0 từ 2022 0 – 0,25 từ 2023 0 – 0,5 từ 2024
8.	Giao thông vận tải	2354-0818 e-2615-9791 (0866-7012)	Tạp chí	Bộ Giao thông vận tải	0 – 0,5
9.	Journal of Technology and Innovation (JTIN)	2773-6202	Tạp chí	Trường ĐH Công nghệ TP.HCM (HUTECH)	0 – 0,25 từ 2022
10.	Khoa học	1859-1388	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5
11.	Khoa học và Công nghệ Hàng hải	1859-316X	Tạp chí	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2024
12.	Khoa học & Công nghệ các trường ĐH kỹ thuật: - Đến 3/2015 (số 1-104) - Đến 11/2020 (số 105-147) - Từ 2021 (từ số 148) + JST: Engineering and Technology for Sustainable Development + JST: Smart Systems and Devices	- 0868-3980 từ 12/1996 - 2354-1083 từ 3/2015 - 2734-9381 từ 3/2021 2734-9373	Tạp chí	ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Đà Nẵng, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp-ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp, Trường ĐH Bách khoa - ĐHQG TP.HCM, Trường ĐHSPTK TP.HCM, Học viện CNBCVT	0 – 1,0
13.	Khoa học và Kỹ thuật	1859-0209	Tạp chí	Học viện Kỹ thuật Quân sự	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2022
14.	Khoa học Công nghệ Giao thông vận tải	1859-4263	Tạp chí	Trường Đại học Giao thông vận tải TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5
15.	Khoa học Công nghệ Thủy sản (Tên cũ: Thủy sản)	1859-2252	Tạp chí	Trường Đại học Nha Trang	0 – 0,5
16.	Khoa học Đại học Công thương (Cũ: Khoa học Công nghệ và Thực phẩm)	p-3030-4113 e-3030-413X (0866-8132)	Tạp chí	Trường ĐH Công thương (Cũ Trường ĐH Công nghệ Thực phẩm TP.HCM)	0 – 0,25 từ 2020
17.	Khoa học Công nghệ Xây dựng, Journal of Science and Technology in Civil Engineering	p-2615-9058 e-2734-9489, p-1859-2996 e-2734-9268	Tạp chí ACI	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2020
18.	Khoa học Đại học Huế: Kỹ thuật và Công nghệ	2588-1175 e-2615-9732	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,25 từ 2020

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

19.	Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2588-1191 e-2615-9708	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,25 từ 2020
20.	Khoa học Giáo dục Kỹ thuật	2615-9740-E 1859-1272	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2025
21.	Khoa học Giao thông vận tải	1859-2724 e-2615-9554	Tạp chí ACI	Trường Đại học Giao thông vận tải	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2020
22.	Khoa học kỹ thuật Mô địa chất	1859-1469	Tạp chí	Trường Đại học Mô - Địa chất	0 – 0,25 từ 2020 0 – 0,5 từ 2024
23.	Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp	1859-1523 e-2615-949X	Tạp chí	Trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5
24.	Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường	1859-3941	Tạp chí	Trường Đại học Thủy lợi	0 – 0,5
25.	Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (tiếng Việt và tiếng Anh, Tên cũ: Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp)	1859-0004	Tạp chí	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	0 – 0,5
26.	Khoa học và Công nghệ	1859-1531	Tạp chí ACI	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2019 0 – 1,0 từ 2022
27.	Khoa học và Công nghệ	2734-9098 e-2615-9562 (1859-2171)	Tạp chí ACI	Đại học Thái Nguyên	0 – 0,5
28.	Khoa học và Công nghệ	1859-3585	Tạp chí	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2023
29.	Khoa học và Công nghệ	0866-7896	Tạp chí	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	0 – 0,25 từ 2021
30.	Khoa học và công nghệ	2354-0575	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	0 – 0,25 từ 2016 0 – 0,5 từ 2020
31.	Khoa học và Công nghệ	0866-708X	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 1,0
32.	Năng lượng Nhiệt	0868-3336	Tạp chí	Hội Kỹ thuật Nhiệt Việt Nam	0 – 0,5
33.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam – bản B	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2020 0 – 0,5 từ 2024
34.	Nghiên cứu khoa học	1859-4190	Tạp chí	Trường Đại học Sao đỏ	0 – 0,25 từ 2021

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

35.	Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quân sự	1859-1043	Tạp chí	Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2023
36.	Nông nghiệp và Môi trường (Nhập TC Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tên cũ: KHKT Nông nghiệp; Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm) với TC Tài nguyên và Môi trường)	1859-4581 (0866-7020)	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	0 – 0,5
37.	Phát triển Khoa học và công nghệ (Science&Technology Development Journal)	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2024
38.	Science journal of Transportation	2410-9088	Tạp chí	Trường ĐH GTVT (UTC), ĐH kỹ thuật Giao thông đường bộ Matxcova (MADI), ĐH Giao thông Tây Nam Trung Quốc (SWJTU)	0 – 0,50 từ 2020
39.	Thông tin Khoa học Lâm nghiệp	1859-3828	Tạp chí	Trường Đại học Lâm nghiệp	0-0,25 trước 2012
40.	Thủy lợi	0868-8736	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0-0,25 trước 2013
41.	Tin học và Điều khiển học - Journal of Computer Science and Cybernetics	1813-9663	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,5
42.	Vietnam Journal of Mechanics (Tên cũ: Cơ học)	0866-7136	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 1,0 0 – 1,25 từ 2020 0 – 1,0 từ 2023
43.	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering, part C,	2525-2461	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,75 từ 2020 0 – 1,0 từ 2024
44.	Xây dựng	2734-9888 (0866-8762)	Tạp chí	Bộ Xây dựng	0 – 0,25 0 từ 2022
45.	Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân	1859 - 4905	Tạp chí	Trường Đại học Duy Tân	0 – 0,25 từ 2023
46.	Khoa học Đại học Cần Thơ	1859-2333 2815-5599	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 0,25 từ 2024
47.	Khoa học và Công nghệ	2615-9015	Tạp chí	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	0 – 0,25 từ 2024
48.	Khoa học và Công nghệ Trường ĐH Công nghiệp TPHCM	2525-2267	Tạp chí	Trường ĐH Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2024

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

49.	Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp	2615-9368	Tạp chí	Trường Đại học Lâm nghiệp	0 – 0,25 từ 2024
50.	Khoa học và Kinh tế phát triển	2588-1272	Tạp chí	Trường Đại học Nam Cần Thơ	0 – 0,25 từ 2024
51.	Vietnam Journal of Science, Technology (VJST)	2525-2518 e-2815-5874	Tạp chí Scopus	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 1,5 từ 2024
52.	Phát triển Khoa học và Công nghệ - Kỹ thuật (Chuyên san của Phát triển Khoa học và Công nghệ)	2615-9872	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2024 0 – 0,5 từ 2025
53.	Công nghiệp Mỏ (Mining Industry Journal)	3030-4172	Tạp chí	Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam	0 – 0,25 từ 2024
54.	Journal of Science Transport Technology	2734-9950	Tạp chí	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	0 – 0,25 từ 2024
56.	CTU Journal of Innovation and Sustainable Development	1859-1418 e-2815-6412	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 0,25 từ 2025
57.	Đo lường, Điều khiển và Tự động hóa	3030-4555	Tạp chí	Hội Tự động hóa	0 – 0,25 từ 2025
58.	Khoa học	2815-6072 2815-6080-E	Tạp chí	Trường Đại học Trà Vinh	0 – 0,25 từ 2025
59.	Khoa học và Công nghệ	0866-7659	Tạp chí	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	0 – 0,25 từ 2025
60.	Khoa học và Công nghệ	2815-6420	Tạp chí	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	0 – 0,25 từ 2025
61.	Phát triển Khoa học và Công nghệ - Khoa học tự nhiên	2588-106X	Tạp chí	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2025

c) Tác giả chính:

Tác giả chính của bài báo khoa học gồm tác giả số 1 (first author) và tác giả liên hệ (corresponding author) duy nhất. Trường hợp bài báo khoa học có từ 02 tác giả liên hệ trở lên thì bài báo đó chỉ có 01 tác giả chính là tác giả số 1 (first author).